

Hạn hán ở miền Trung trong thế kỷ XVIII-XIX và biện pháp khắc phục của các triều đại quân chủ Việt Nam

Drought in the Central region in the 18th-19th centuries and remedies of the Vietnamese monarchies

Mai Thị Huyền*
Mai Thi Huyen*

*Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Institute of History, Vietnam Academy of Social Sciences*

(Ngày nhận bài: 12/01/2024, ngày phản biện xong: 22/03/2024, ngày chấp nhận đăng: 11/04/2024)

Tóm tắt

Bài viết chỉ ra tình trạng hạn hán ở miền Trung trong hai thế kỷ XVIII và XIX với những biểu hiện cụ thể như nắng hạn, đại hạn, không mưa kéo dài. Những nơi thường xuất hiện hạn hán là Nghệ An, kinh sư Thừa Thiên, Quảng Nam, Phú Yên. Thực trạng này đã có những tác động đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân. Rõ nhất là hiện tượng lúa mạ, mùa màng bị hư tổn, xuất hiện nạn đói và trộm cướp ở địa phương. Để khắc phục tình trạng hạn hán, các vương triều quân chủ đã đề ra nhiều biện pháp như chẩn cấp, ân xá, miễn giảm tô thuế, khơi đào kênh, sông, tưới tiêu và thực hiện nghi lễ cầu mưa. Những biện pháp kể trên đã có tác dụng nhất định hạn chế tình trạng hạn hán và góp phần an dân thời bấy giờ.

Từ khóa: hạn hán; miền Trung; vương triều; khắc phục.

Abstract

The article points out the drought situation in the Central region in the 18th and 19th centuries with specific manifestations such as drought, great drought, and prolonged no rain. Places where drought often occurred were Nghe An, Thua Thien, Quang Nam and Phu Yen. This situation had impacts on agricultural production and people's lives. The most obvious phenomenon was the phenomenon of rice seedlings and crops being damaged, famine and robbery in the locality. To overcome the drought situation, the monarchies proposed many measures such as grants, amnesty, tax exemption, digging canals and rivers, irrigation and performing rituals to pray for rain. The above measures had a certain effect on limiting drought and contributing to people's peace at that time.

Keywords: drought; central region; dynasty; fix.

1. Đặt vấn đề

Một trong những điều kiện quan trọng của nền sản xuất nông nghiệp lúa nước ở Việt Nam

chính là sự thuận lợi của tự nhiên, trong đó, khí hậu, sự ổn định của lượng mưa là yếu tố cần thiết. Tuy nhiên, với vị trí ở phía đông của Đông Nam Á, Việt Nam vừa có những thuận lợi về mặt

*Tác giả liên hệ: Mai Thị Huyền
Email: maihuyenncls@gmail.com

khí hậu song cũng bị ảnh hưởng nhiều bởi những bất thường của thời tiết.

Hạn hán ở Việt Nam là một trong những thiên tai xảy ra nghiêm trọng chỉ đứng sau lũ lụt. Đó là sự bốc hơi nước ở các hệ thống sông suối, khô hạn ở đồng bằng, khan hiếm nước ngầm và quan trọng nhất là sự thiếu hụt lượng mưa hàng năm. Trong đó, địa phương chịu hậu quả nặng nhất bởi thiên tai này là khu vực miền Trung. Với những đặc điểm tự nhiên như địa hình ngấn và dốc, đường bờ biển dài, lượng mưa nhanh chóng bốc hơi, lại thêm sự tác động của gió Phơn Tây Nam (gió Lào) khô nóng nên hàng năm, miền Trung không thể tránh khỏi nắng hạn. Tình trạng không mưa kéo dài nhiều tháng trong năm đã khiến cho việc sản xuất nông nghiệp bị đình trệ. Thiếu nước tưới tiêu cho đồng ruộng nên sản lượng lương thực bị giảm sút. Điều đó cũng trực tiếp tác động đến đời sống của người dân ở vùng này cũng như gián tiếp ảnh hưởng đến việc điều hành chính sự của các nhà nước quân chủ. Đặc biệt, tình trạng hạn hán còn có ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định xã hội.

Xin xem Bảng 1.

Bảng 1. Tình hình hạn hán ở miền Trung Việt Nam thế kỷ XVIII-XIX

TT	Địa phương	Số lượng/năm	Nguồn tư liệu
1	Thanh Hoa (nay là Thanh Hóa)	3 lần: 1714, 1728, 1824.	[5, tr. 405, 470]; [8, tr. 329].
2	Nghệ An	14 lần: 1714, 1728, 1804, 1810, 1816, 1820, 1822, 1825, 1833, 1834, 1835, 1843, 1849, 1856.	[5, tr. 405, 470]; [7, tr. 619, 805, 916]; [8, tr. 55, 72, 465]; [9, tr. 506]; [10, tr. 359, 417, 532]; [13, tr. 119, 483].
3	Hà Tĩnh	4 lần: 1832, 1834, 1835, 1847.	[9, tr. 302]; [10, tr. 359, 417, 532]; [12, tr. 967].
4	Quảng Bình	6 lần: 1820, 1834, 1847, 1858, 1869, 1884.	[8, tr. 55, 72]; [10, tr. 359, 417], [12, tr. 967]; [13, tr. 612, 613, 1186]; [15, tr. 65].
5	Quảng Trị	6 lần: 1820, 1822, 1869, 1873, 1875 (2 lần).	[8, tr. 55, 72, 189, 200]; [13, tr. 1186, 1399]; [14, tr. 108].

Nghiên cứu về hạn hán ở khu vực miền Trung và biện pháp khắc phục của các nhà nước quân chủ từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX nhằm làm rõ tình hình hạn hán, thái độ của chính quyền nhà nước, biện pháp của triều đình quân chủ ở các thời kỳ trong việc ứng phó với thiên tai này và hậu quả của nó. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp cận trên phương diện lịch sử, làm rõ các chính sách, biện pháp được thực hiện từ phía nhà nước, từ đó rút ra kết luận về thực trạng trên.

2. Tình hình hạn hán ở miền Trung thế kỷ XVIII-XIX

Hiện tượng hạn hán thường xuất hiện vào các tháng mùa hè trong năm như tháng 4, 5, 6, 7 Âm lịch và phần nhiều vào tháng 6. Sách *Cương mục* chép: “Tháng 6 năm 1714, hai xứ Thanh, Nghệ không mưa” [5, tr. 423]; “tháng 4 năm 1816, từ Nghệ An ra Bắc bị hạn” [7, tr. 925]. Cũng có khi hạn xuất hiện vào các tháng khác trong năm như: “Tháng 12 năm 1805, Kinh sư, Thanh Hoa không mưa; tháng 2 năm 1810, Quảng Nam, Quảng Ngãi không mưa” [7, tr. 782].

6	Kinh kỳ (Thừa Thiên Huế)	34 lần: 1805, 1823, 1824, 1825, 1826, 1827 (2 lần), 1828, 1830, 1832, 1833, 1834 (3 lần), 1836, 1838, 1839 (2 lần), 1840 (2 lần), 1844, 1845, 1846, 1848 (2 lần), 1849, 1853, 1854, 1858, 1861, 1866, 1876, 1880, 1883.	[7, tr. 647, 288]; [8, tr. 338, 439, 524, 597, 636, 755]; [9, tr. 62, 318, 588]; [10, tr. 213, 220, 417, 961, 968]; [11, tr. 324, 552, 748]; [12, tr. 575, 709, 899]; [13, tr. 118, 277, 386, 730, 731, 986]; [14, tr. 163, 426, 572].
7	Quảng Nam	14 lần: 1810, 1819, 1822, 1841, 1843, 1846, 1847, 1864, 1866 (2 lần), 1869, 1876, 1878, 1880.	[7, tr. 782, 987]; [12, tr. 201, 539, 819, 1034]; [13, tr. 833, 986, 1186]; [14, tr. 163, 274, 426].
8	Quảng Ngãi	9 lần: 1810, 1819, 1827, 1832, 1839, 1846, 1866, 1876, 1884.	[7, tr. 782, 987]; [8, tr. 597]; [9, tr. 338]; [11, tr. 514]. [12, tr. 837]; [13, tr. 1039], [15, tr. 65].
9	Bình Định (1788-1802)	7 lần: 1822, 1832, 1839, 1846, 1853, 1864, 1880.	[8, tr. 228]; [9, tr. 408]; [11, tr. 456]; [12, tr. 838]; [13, tr. 266, 833]; [14, tr. 426].
10	Phú Yên (1802-1884)	10 lần: 1822, 1833, 1836, 1846, 1847, 1849, 1865, 1876, 1880, 1884.	[8, tr. 272]; [9, tr. 408, 597]; [10, tr. 883]; [12, tr. 838, 1034]; [13, tr. 119, 97]; [14, tr. 163, 426]; [15, tr. 65].
11	Bình Thuận	2 lần: 1824, 1844.	[8, tr. 364]; [12, tr. 665]; [13, tr. 833].
Tổng cộng		109	

Nguồn: [5]; [7], [8], [9], [10], [11], [12], [13], [14], [15].

Theo thống kê ở bảng trên, miền Trung đã xảy ra 109 lần hạn từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX trên tổng số 208 lần hạn hán ở Việt Nam (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX). Hạn hán xảy ra nhiều nhất ở Nghệ An, Thừa Thiên và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên. Đáng chú ý là khu vực Kinh kỳ được sử chép là nơi xuất hiện nhiều hạn hán nhất. Những năm hạn xảy ra liên tục như: 1832, 1833, 1834 (3 lần), 1836, 1838, 1839 (2 lần), 1840 (2 lần), và các năm như: 1844, 1845, 1846, 1848 (2 lần). Tại Quảng Nam, hạn xuất hiện vào các năm: 1810, 1819, 1822, 1841, 1843, 1846, 1847, 1864, 1866 (2 lần), 1869, 1876, 1878, 1880. Nếu như ở Nghệ An, hạn xảy ra phần nhiều vào nửa sau thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX thì ở các tỉnh như Kinh sư (Thừa Thiên), Quảng Nam, Quảng Ngãi, nắng hạn xuất hiện nhiều vào nửa sau thế kỷ XIX.

Đặc biệt, năm 1834 sử chép là xuất hiện hạn nhiều hơn cả. Ở miền Trung đã xảy ra 3 lần hạn hán, trong đó các tỉnh bị thiệt hại nhiều nhất là Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên. Sách *Đại Nam thực lục* đã ghi nhận: “Vua thấy nắng hè rất nóng dữ [...] Trong Kinh kỳ không mưa [...] Trong Kinh kỳ khan mưa. Quảng Bình và Hà Tĩnh cũng khan mưa. Hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh lúa mùa bị tổn hại, giá gạo ngày càng đắt [...] Nghệ An và Hà Tĩnh khan mưa đã lâu [...] ta rất lấy làm lo lắng cho dân hai hạt này” [10, tr. 213, 532]. Năm 1866 cũng được sử chép là hạn hán xuất hiện 2 lần ở phủ Thừa Thiên và Quảng Nam, Quảng Ngãi: “Phủ Thừa Thiên đã mấy tuần hạn hán [...] Tỉnh Quảng Nam cũng hạn hán” và đến tháng 12 của năm này thì: “Quảng Nam, Quảng Ngãi đều ít mưa” [13, tr. 1039].

Tình trạng hạn hán ở miền Trung là do nguyên nhân khí hậu của vùng này chịu ảnh hưởng của gió Phơn Tây Nam (gió Lào) vào mùa hè hàng năm. Tác giả sách *Đại Nam nhất thống chí* đã cho biết về loại gió này như sau: “Tháng 5 và tháng 6, gió nồm thổi mạnh, phần nhiều nóng nực; tháng 7 và tháng 8 thường có gió tây nam” [6, tr. 280]. Gió Tây đã khiến mặt đất bốc hơi rất nhanh, như nghiên cứu của Trần Thị Hạnh Hiên: “Gió Tây khô nóng (gió Lào) là một trong những yếu tố tự nhiên gây hạn hán ở miền Trung. Đây là loại gió khô nóng, thổi từng cơn kéo dài 2-3 ngày, có khi liên tục 15 ngày, sức gió đến cấp 5-6. Gió Tây khô nóng thường xảy ra vào các tháng 3,4 và kết thúc vào tháng 9. Thời gian gió Tây khô nóng lớn nhất vào khoảng tháng 6 hoặc tháng 7. Ảnh hưởng của gió Lào thấy rõ rệt nhất từ Nghệ An đến Quảng Trị, có khi vượt qua giới hạn ra tận Bắc Bộ và xuống đến Bình Định, Phú Yên. Khi gió Lào thổi, nhiệt độ tăng cao lên đến 37-39°C hoặc hơn, độ ẩm đến mức thấp nhất (từ 30-45%), độ bốc hơi tăng lên một cách đột ngột làm cỏ cây khô héo, nứt nẻ ruộng đồng..., làm tăng khả năng bốc thoát hơi tiềm năng của mặt đất” [2, tr. 53].

Thiệt hại do hạn hán và hậu quả của nó đã tác động trực tiếp đến sản xuất, đời sống của người dân. Các bộ sử như *Đại Việt sử ký tục biên*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Lịch triều tạp kỷ* đã cung cấp những cứ liệu về tình hình này.

Năm 1595, lúa má do bị hạn nên chết khô [5, tr. 209], năm 1597 và 1598 đại hạn khiến “lúa mạ, khoai đậu đều chết khô; lúa má phần nhiều bị chết” [5, tr. 219]. Năm 1822, lúa ruộng ở huyện Đồng Xuân, Phú Yên bị hạn nên tổn hại “từ 3 phần đến 6 phần 10, không đều” [8, tr. 272]. Hiện tượng lúa mùa bị thiệt hại cũng được chép cụ thể vào năm 1834 ở các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh [10, tr. 417]. Cũng vì tình trạng hạn kéo dài nên việc thu hoạch thóc lúa trong năm 1847 bị giảm đi: “Các tỉnh Quảng Bình, Hà

Tĩnh, Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên, Bắc Ninh thóc lúa thu hoạch được ít” [12, tr. 1034] và lúa bị “khô tấp” vào năm 1857 [12, tr. 523]. Tình trạng gạo đắt còn tiếp diễn dưới thời Nguyễn vào năm 1832 do năm này kém mưa [16, tr. 67; 3, tr. 296]. Từ Quảng Nam vào Nam giá gạo đắt (1841) [12, tr. 201], khan hiếm lương thực ở Nghệ An vào năm 1856, do tác động của tình trạng ít mưa: “Ít mưa, gạo đắt, dân khó kiếm gạo ăn” [13, tr. 483].

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến nạn đói trong thời gian từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX, nhưng hạn hán là một nguyên nhân góp phần làm cho mất mùa, thiếu ăn và nạn đói xảy ra nhiều và trầm trọng. Năm 1705, do đói kém ở Thanh Hoa, Nghệ An mà rất nhiều lính bỏ trốn. Chúa Trịnh phải họp với triều thần để đưa ra kế sách: “Ra lệnh cho những nơi có lính trốn, đặt trách nhiệm cho các dân thổ mục cùng lính ở kinh phải dẫn người đến thế [những lính trốn], nếu không thay thế được thì ủy cho trấn quan đòi bắt” [16, tr. 58]. Đặc biệt là năm 1713, nạn đói xảy ra ở Thanh Hoa [16, tr. 67]. Sách *Lịch triều tạp kỷ* cũng chép về nạn đói này: “Tháng giêng, mùa xuân. Bảy giờ hạn hán đã lâu, thóc gạo cao vọt: một đấu nhỏ trị giá là 1 tiền. Dân gian phải ăn cả rễ cỏ và lá cây, chết đói đầy đường, xóm làng đâu cũng tiêu điều tàn rạc” [3, tr. 187]. Giá gạo cao ở Nghệ An năm Mậu Tý (1768) và tình trạng đói khổ của người dân vùng này cũng được sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi lại: “Giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ, một trăm đồng tiền không đủ một bữa ăn no” [5, tr. 681].

Nạn đói tiếp tục xuất hiện dưới thời Nguyễn. Chính sử nhà Nguyễn đã thống kê những năm đói kém bao gồm: 1803, 1810, 1816, 1842, 1864, 1879, 1882. Sự thay đổi bất thường về giá gạo là hiện tượng thường thấy ở thời kỳ này. Các số liệu cho biết về sự tăng giảm đột ngột của giá gạo, thường là giá gạo tăng. Giá gạo ở Kinh sư Thừa Thiên tăng cao những năm 1821, 1822 theo mô tả của *Đại Nam thực lục*: “Ở Kinh sư

giá gạo cao. Vua dụ bộ Hộ rằng: “Kinh kỳ là chỗ đô hội người bốn phương tụ tập, giá gạo ngày một tăng lên. Hơn nữa các hạt năm ngoài giá gạo cũng lên cao. Nay gặp khi giáp hạt gạo ăn bên ngoài chưa được đầy đủ” [9, tr. 128]. Hay vào “năm 1833, giá gạo tỉnh Quảng Trị còn cao; tháng 8, tỉnh Bình Định gạo kém, nhân dân chạy ăn khó khăn” [9, tr. 480, 705].

Sự mất ổn định ở địa phương do tác động của nạn đói gây nên là thực trạng xảy ra trong những năm thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX. Hiện tượng trộm cướp phổ biến hơn ở các vùng xảy ra thiên tai hạn hán. Dưới thời Lê Trung hưng (1533-1789), về sự kiện năm 1737, sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* viết: “Vì bọn trộm ở các xứ nổi lên như ong, trạm báo tin không được nhanh chóng, bèn hạ lệnh cho lộ Thanh Hoa đặt đồn hỏa hiệu ở trên đỉnh núi, bắt dân sở tại ngày đêm canh giữ, nếu có sự nguy cấp thì đốt lửa để thông báo về triều” [5, tr. 500]. Hiện tượng trộm cướp năm 1776 đã được sử ghi lại: “Lúc ấy, mất mùa, dân bị đói, giá gạo cao, mà ruộng chiêm thì khô nẻ, công việc làm ruộng không được tiện lợi. Người sang trọng phải nhòm từng cửa để xin làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đất, họ họp nhau ăn cắp, ăn trộm, nhân dân không được yên nghiệp làm ăn” [5, tr. 729, 730]. Vào thời Nguyễn (1802-1884), năm 1824: “Nghệ An đói, giặc cướp nổi lên” [8, tr. 527].

Không chỉ tác động đến xã hội, hạn hán trong hai thế kỷ XVIII-XIX đã ảnh hưởng đến sự điều hành chính sự của các nhà nước quân chủ. Nhiều năm xảy ra thiên tai, các chính quyền đã nghiêm túc kiểm điểm lại lỗi lầm trong việc cai trị. Dưới thời Lê Trung hưng, các chúa Trịnh đã cầu lời nói thẳng, trung thực của các triều thần. Ví như năm Quý Dậu (1753), vì trời đại hạn, chúa cho các quan “nói thẳng những việc thiếu sót sai lầm của nhà nước” [16, tr. 236]; năm Ất Hợi (1755), chúa Trịnh hạ chiếu “cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi” [5, tr. 628]. Hoặc

năm 1812, trước tình hình hạn hán ở Quảng Ngãi, vua Gia Long đã xuống chiếu cầu lời nói thẳng: “Trẫm nghĩ đức của vua không gì to bằng kính trời [...] Nhưng ý trời chưa hồi, thần nắng chưa lui, hoặc vì chính giáo còn nhiều tỳ vết, ơn trạch còn chưa được khơi,... Trẫm một mình, thông minh có hạn, trở xét lại mình, không biết vì đâu? Văn võ thần liêu các người, hoặc tòng chính ở trong hoặc tuyên hóa ở ngoài, ai cũng là tay chân tai mắt của trẫm... nên đều bày tỏ sự thực, tâu cho trẫm nghe” [7, tr. 847]. Hay năm 1859, hạn hán xảy ra ở Thừa Thiên, Quảng Bình nên vua Tự Đức đã “miễn cho các quan không phải chầu” [13, tr. 617].

Như trên đã phân tích, tình hình hạn hán có tác động trực tiếp đến xã hội và đời sống người dân, do vậy nhà nước quân chủ đã có những biện pháp khắc phục kịp thời nhằm an dân và ổn định đất nước.

3. Biện pháp khắc phục của các triều đại quân chủ

Để phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, triều đình quân chủ đã thực hiện các biện pháp chặn cấp, giảm xá thuế và khai kênh, đào sông, tưới tiêu. Trong việc chặn cấp, nhà nước đã giao cho các viên quan sở tại tiến hành công việc. Những năm thiên tai, nhà nước đã huy động quan lại, binh lính và nông dân, khai kênh, sông, có năm triều đình còn thực hiện các nghi lễ cầu đảo, cầu mưa.

Chặn cấp

Năm Mậu Thìn (1728), nhà nước bỏ ra sáu vạn quan tiền trong kho nội phủ, sai các quan trong tam ti chia nhau đi phát chẩn cho dân Thanh Hoa [8, tr. 463]. Năm Nhâm Tuất (1742), vua Lê cho trích 15 vạn bát quan thóc phát chẩn cho dân Thanh Hoa (do có nạn đói lớn) [5, tr. 555]. Khi Thanh Hoa và Quỳnh Lưu, Nghệ An, xảy ra nạn đói lớn, chúa Trịnh đã hạ lệnh cho Hà Huân thăm hỏi, “tạm lấy tiền thông kinh và mộ nhà giàu nộp của, sẽ tùy phương tiện phát

chẩn cho dân. Còn dân phiêu lưu ở hai xứ này nếu có người nào đến kiếm ăn ở tứ trấn, sẽ đem tiền gạo chẩn cấp cho” [16, tr. 639]. Triều đình Lê - Trịnh còn trao quan chức cho những người nộp của, lấy tiền đó để chẩn cấp cho dân. Việc yêu cầu dân nộp thóc để trao quan chức đã được tiến hành vào những năm 1713, 1721, 1736, 1741, 1773 và 1786.

Dưới thời Nguyễn, nhà nước thành lập các kho Xả thương và Thường bình để chẩn cấp cho dân mỗi khi có thiên tai. Sử chép vào năm Kỷ Sửu (1829), vua Minh Mệnh đã cho lập xã thương với mục đích như sau: “Áp và làng đều đặt xã thương chọn người tin cẩn để giữ [...] khi thóc kém thì bán ra, khi hơn thì đong vào. Gặp thủy hạn bất thường thì chiếu khẩu phần mà cấp cho; năm được mùa thì lại thu chứa y số” [8, tr. 843]. Đặc biệt, năm 1856, Nghệ An ít mưa nên gạo đắt, dân khó kiếm ăn, nhà vua đã thực hiện chẩn cấp: “Chuẩn cho đến mùa xuân sang năm phát ra 50.000斛 thóc kho bán hạ giá cho dân. Lại chuẩn cho quan tỉnh ấy cấp giấy cho những thuyền buôn trong hạt đi mua gạo ở các tỉnh Bắc Kỳ chở về bán cho dân để cho gạo được lưu thông” [13, tr. 483]. Năm 1865, Quảng Bình bị hạn hán nên tỉnh thần đã xin trích số gạo ở Bắc chở vào Kinh là 20.000 phương để chẩn cấp cho dân đói [13, tr. 938]. Vua Tự Đức đã đồng ý và cho trích lại 5.000 phương để tùy bán hay cho dân vay.

Ấn xá

Ngoài việc mỗi khi các vua Lê, chúa Trịnh, kế nhiệm chức vụ, đổi niên hiệu đều ban lệnh đại xá hoặc ân xá, thì vào các năm xảy ra thiên tai nặng hoặc kéo dài, triều đình đều thực hiện ân xá.

Năm Tân Dậu (1741), vì tai dị, mất mùa, triều đình ân xá: “Hạ chiếu tha thuế tô, thuế dung cho các lộ; triệt bỏ những sở tuần ty trái lệ ngạch” [5, tr. 554]. Năm Nhâm Tuất (1742), vì năm mất mùa, dân bị đói nên triều đình giảm bớt lễ cúng tế thường, đình hoãn việc xét hỏi tạp tụng, đặc biệt là các điện miếu tại Thanh Hoa [5, tr. 558].

Năm Giáp Ngọ (1754), triều đình ân tuất những tù bị giam. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép: “Hạ lệnh cho bọn Vũ Công Trấn và Nguyễn Quai xem xét, trong nhà ngục, phát chẩn cho tù bị đói, bị thiếu, người nào can tội nhẹ thì xét xử ngay và phân phối đi các nơi”. Đặc biệt năm Đinh Dậu (1777), triều Lê - Trịnh đã lập đàn chay, tha tù tội nhẹ cho 10 người [8, tr. 623].

Thời Nguyễn, việc ân xá được thực hiện vào năm 1812 khi Quảng Ngãi hạn hán, vua Gia Long đã “ra lệnh cho các nha hỏi hình soát tù phạm bị giam, xét rõ nỗi oan uổng cho họ” [7, tr. 847]. Tháng 7 năm 1853, do đại hạn ở Kinh kỳ Thừa Thiên nên vua Tự Đức đã cho hoãn xử tù trăm quyết về tội trộm cướp, giao xuống Pháp ty xét hỏi [13, tr. 277].

Giảm, miễn thuế

Thuế là nguồn thu của triều đình quân chủ để đảm bảo các hoạt động của nhà nước được thực hiện có hiệu quả. Hầu như từ trước thế kỷ XVIII, khi xảy ra thiên tai, các vương triều đều thực hiện giảm, xá thuế cho dân. Đến thời Lê Trung hưng, vua Lê - chúa Trịnh đã tùy vào tình hình đói kém của dân mà giảm và xá thuế. Cụ thể vào các năm: 1679, chúa Trịnh “xá thuế dân đình và các thuế tuần ty, thuế bến đò, giảm bớt các sự lệ cúng tế”; năm Đinh Hợi (1707), xét thấy tình hình dân phiêu tán quá nhiều, dù triều đình đã ân xá nhiều lần, nhưng dân vẫn chưa về đông đủ, vì vậy, triều đình quyết định xá thuế cho dân: “Người phiêu tán sẽ được xá phú thuế và dao dịch trong năm năm; người trở về mà tình cảnh nghèo khổ sẽ được miễn thuế hộ trong ba năm” [8, tr. 394].

Dưới thời Nguyễn, việc miễn giảm thuế cũng được thực hiện thường xuyên khi các vùng trong nước xảy ra thiên tai hạn hán. Năm 1803, ở Nghệ An, mùa màng bị thất thu, quan trấn tỉnh tâu xin hoãn thu 5/10 thuế biệt nạp [7, tr. 569]. Tháng 11 năm 1822, tại các phủ Đức Quang, Anh Đô, Diễn Châu của Nghệ An ít mưa nên trấn thần

Nghệ An đã tâu xin với vua Minh Mệnh được nộp tiền thay cho thóc lúa: “Mùa thu này mưa ít [...] thóc thuế vụ đông thiếu hơn 18.000 học, xin cho dân nộp thay bằng tiền”. Vua Minh Mệnh đã chấp thuận và hạ lệnh “theo số cho nộp một nửa bằng tiền, một nửa thì xay gạo nộp kho để sẵn chi phát” [8, tr. 246]. Đặc biệt vào năm 1847, các tỉnh Quảng Nam, Quảng Bình, Hà Tĩnh không mưa, do vậy thu hoạch thóc lúa kém hơn so với mọi năm, vua Thiệu Trị đã cho nộp thay bằng tiền: “Tỉnh Quảng Nam, Quảng Bình thuế chính cung năm nay và thuế thóc thiếu năm ngoái, đều cho chiết nộp bằng tiền” và hoãn thuế cho Hà Tĩnh: “duy có Hà Tĩnh, đau khổ đã lâu, chưa tỉnh lại, số thuế phải nộp về năm nay, cho triển hoãn lại 2 năm và những số đọng thiếu từ năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) trở về trước, đều tha cho về” [12, tr. 1034].

Thực hiện đào kênh, sông, tưới tiêu

Nối tiếp các triều đại trước, công việc đào sông, khai kênh, tưới tiêu của nhà nước quân chủ đều được thực hiện thường xuyên. Thời Lê Trung hưng việc khai kênh, đào sông hàng năm vẫn là nhiệm vụ của cơ quan Hà đê, Khuyến nông từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

Việc dẫn nước vào đồng ruộng ở các địa phương cũng được thực hiện. Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Nhã đã chỉ ra: “Đôi khi người ta còn sử dụng các đường dẫn nước đặt trong lòng đê cho phép mở hoặc ngăn các dòng nước chảy dài theo đê vào các ô ruộng. Đường dẫn nước được làm bằng những vật liệu và các thức khác nhau: đơn giản nhất là bằng thân cây được khoét rỗng, phức tạp hơn bằng gạch xây thành các loại cầu máng. Các phương tiện này được dùng để dẫn nước vào ruộng, hoặc để tháo nước trong ruộng, hoặc đồng thời cho cả hai mục đích” [4, tr. 106]. Đây là cách thức mà người dân thực hiện để chống hạn cho đồng ruộng hàng năm.

Dưới thời Nguyễn, việc khơi sông được triều đình thực hiện ở Thừa Thiên vào năm 1835: “Đào đường sông ở phủ Thừa Thiên (từ xã Tây

Thành đến xã An Xuân huyện Quảng Điền, dài hơn 990 trượng) [...] cấm dân sở tại không được trồng trọt ở hai bên bờ, để sông khỏi bị nghẽn lấp” [9, tr. 661]. Văn bia ở địa phương cũng đã ghi chép về quá trình đào kênh, khai sông của làng nhằm phục vụ công việc thủy lợi. Bia Linh Giang (Hà Tĩnh) được khắc như sau: “Tiết thượng hoán tháng 8 năm thứ 21 niên hiệu Tự Đức (1868), cùng hội họp mở rộng một ngòi nước” và năm Mậu Dần (1878) tri huyện trước là Nguyễn Công Doãn và tú tài Nguyễn Công Xuân cùng lập điều ước trong tổng Lai Thạch: “Cứ 10 năm thì khơi sông một lần” [1, tr. 97].

Thực hiện nghi lễ cầu mưa

Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp, mưa thuận gió hòa là điều kiện rất cần thiết để sản xuất ổn định, do vậy, các triều đại quân chủ đều thực hiện các nghi lễ mang tính chất tâm linh, cầu an nhằm thể hiện sự tôn trọng thần linh và an dân.

Thời Lê Trung hưng (1533-1789), vua Lê và các chúa Trịnh quan niệm rằng thiên tai xảy ra là do bản thân làm gì đó trái với tự nhiên nên bị trời giáng tai họa. Chúa Trịnh xuống chiếu cầu lời nói thẳng, kiểm điểm, sửa đổi bản thân. Năm Giáp Ngọ (1714), vì không mưa, chúa Trịnh vừa ân xá cho Thanh Hoa, giảm thuế, vừa tiến hành cầu đảo. Sách *Đại Việt sử ký tục biên* chép: “Không mưa, chúa bí mật cầu đảo ở lầu Kính Thiên. Ngày hôm ấy mưa” [16, tr. 68].

Năm Đinh Dậu (1777), vì trời đại hạn lâu ngày nên chúa Trịnh trai giới cầu đảo. Khi được mưa, chúa Trịnh dụ rằng: “Ta ngày đêm xót ruột nghĩ rằng: chính sự có điều gì không phải, nên thương tổn hòa khí. Một mình ta sai trái, chứ trăm họ có tội gì, nếu dân đói tức là ta đã làm cho dân đói, vì thế vẫn lo ngay ngáy” [16, tr. 438].

Sử không chép rõ về tình hình hạn hán ở Đàng Trong những năm từ 1600 đến năm 1789, do vậy chúng tôi chưa thể đưa ra kết luận về giai đoạn này. Đặc biệt, vương triều Tây Sơn (1788-1802),

do tồn tại quá ngắn nên cũng không thấy sử chép về việc vua Quang Trung có thực hiện cầu đảo hay không, vì vậy chúng tôi cũng chưa thể đưa ra kết luận.

Dưới thời Nguyễn (1802-1884), vua Minh Mệnh đã rất coi trọng việc cầu đảo khi nắng hạn, chính ông cũng khẳng định rằng: “Người đời làm lụng quý báu nhất là hạt thóc. Ta thường mong tạnh cầu mưa là trọng việc làm ruộng” [9, tr. 63].

Năm 1824, do ít mưa ở Kinh kỳ và đại hạn ở Bình Thuận, vua Minh Mệnh đã làm lễ cầu mưa ở đền Nam Hải Long vương, đồng thời ban lệnh cầu mưa như sau: “Nếu đồng ruộng nay còn khô hạn thì nên ở miếu Hội đồng hay ở các đền linh thiêng trong hạt hết lòng thành mà cầu đảo, không kể số ngày, cốt sao được mưa cho tốt lúa. Từ sau hạt nào bị hạn đến mười hai ngày, ruộng lúa dẫu chưa tổn hại cũng nên vì dân đảo vũ. Ghi làm lệnh” [8, tr. 364].

Năm Nhâm Thìn (1832), các địa phương như Hà Tĩnh, Bình Định, Kinh kỳ, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ít mưa nên mùa màng bị ảnh hưởng, vì vậy vua Minh Mệnh đã ăn chay để cầu mưa [9, tr. 338]. Tháng 2 năm 1851, Thanh Hoa hiếm mưa, vua Tự Đức đã thực hiện nghi lễ cầu đảo. Sách *Đại Nam thực lục* viết: “Vua sai đại thần là Vũ Văn Giải, Đặng Văn Thiêm đến cầu đảo ở 2 miếu Vũ sư, Thành hoàng. Miễn châu 3 ngày. Vua thân làm thơ đảo vũ, sai Lễ bộ các thần là Lê Bá Đĩnh, Mai Anh Tuấn đem thơ đến trước miếu tuyên đọc rồi đốt đi” [13, tr. 191], đến ngày Giáp Tý thì có mưa, vua đã sai làm lễ tạ.

Như vậy, các triều đại quân chủ đã thực hiện các biện pháp an dân kể trên. Trong các biện pháp đó, chẩn cấp, ân xá được coi là khá hiệu quả và kịp thời đối với khu vực miền Trung, nhất là các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

4. Kết luận

Hiện tượng hạn hán ở Việt Nam thường xảy ra vào các tháng 5,6,7 Âm lịch và nhiều nhất vào

tháng 6 trong một năm. Hạn xuất hiện nhiều vào thời Lê Trung hưng và trở nên nghiêm trọng hơn dưới thời Nguyễn. Mức độ hạn hán thường xảy ra 2 lần/năm, 3 lần/năm và 4 lần/năm, chủ yếu ở các tỉnh Nghệ An, Kinh sư Thừa Thiên, Quảng Nam và Phú Yên. Tình trạng đại hạn kéo dài nhiều năm đã gây ảnh hưởng đến mùa màng, gia súc và thậm chí gây chết người. Vào những năm đầu và giữa thế kỷ XIX, hạn hán xuất hiện dày hơn so với trước, tàn phá các địa phương trên diện rộng, khiến mùa màng thất thu và giá lương thực mất ổn định. Đặc biệt, hạn hán không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất mà trong phạm vi ảnh hưởng của nó đã tác động đến an ninh ở địa phương. Sự xuất hiện của nạn trộm cướp ở làng xã đã gây khó khăn cho sự quản lý của chính quyền quân chủ cũng như gây bất ổn đối với đời sống nhân dân.

Một trong những biện pháp khắc phục thể hiện tính nhân văn của nhà nước quân chủ chính là chẩn cấp, ân xá, cầu đảo, kêu gọi lời nói thẳng. Hiệu quả của cầu đảo ít nhiều đã mang lại sự an dân trong xã hội, bởi vậy nó vẫn được duy trì cho đến thời Nguyễn. Hoạt động cầu đảo được thực hiện thường xuyên hơn dưới thời Nguyễn và đã nhiều lần ứng nghiệm. Điều này cho thấy sự quan tâm, lo lắng của các vua triều Nguyễn đối với đất nước nói chung và với người dân miền Trung nói riêng.

Nếu như biện pháp cứu trợ của triều đình Lê - Trịnh trong một chừng mực nhất định như chẩn cấp, giảm xá thuế, tu sửa bản thân đã góp phần an dân, giữ yên trật tự xã hội ở Đàng Ngoài trong các thế kỷ XVIII-XIX, thì chính sách chẩn cấp của triều Nguyễn trong những năm đầu trị vì đã tỏ rõ hiệu quả của nó. Nhưng nửa sau thế kỷ XIX, biện pháp này tỏ ra kém hiệu quả do sức lực của nhà nước không đủ bù đắp nạn thiếu hụt lương thực và sự rối loạn xã hội do tác động của nạn hạn gây nên.

Nếu sử ít chép về các hoạt động tưới tiêu của người dân vào những năm nắng hạn thì việc làm

khai kênh, đào sông nhằm lưu thông dòng chảy, phòng chống hạn là một công việc thể hiện trách nhiệm và sự quan tâm đến đời sống nhân dân của các chính quyền nhà nước. Đến thời Lê Trung hưng và thời Nguyễn, công việc này được tiếp tục thực hiện. Đây là biện pháp khắc phục mang tính tích cực và lâu dài của các vương triều, đồng thời cho thấy nỗ lực rất lớn của nhà nước và nhân dân trong nhiều thế kỷ. Điều này cũng thể hiện vai trò của nhà nước quân chủ trong lĩnh vực thủy lợi, tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp được đảm bảo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bảo tàng Hà Tĩnh. (2017). *Văn bia Hà Tĩnh*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- [2] Hiền, T.T.H. (2009). *Tại biến tự nhiên và khắc phục của nhà Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX* (Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội).
- [3] Lãng, N.C. (1995). *Lịch triều tạp ký*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- [4] Nhã, N.T. (2013). Nguyễn Nghị dịch. *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*. Nxb Tri thức.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn. (1998). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. tập II. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2006). *Đại Nam nhất thống chí*. tập II. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập I. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập II. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập III. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [10] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập IV. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập V. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [12] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập VI. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [13] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập VII. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [14] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập VIII. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [15] Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Đại Nam thực lục*. tập IX. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [16] Viện Nghiên cứu Hán Nôm. (2011). *Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*. Hà Nội: Nxb Văn hóa thông tin.